

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 14/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 27- 6- 2018
*V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi
con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn

Bà Nguyễn Thị Thúy Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nguyễn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Đặng Thị Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2018/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2018/QĐ-PT, ngày 30 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1987; cư trú tại: Số nhà 19/9, đường số 20, phường BH, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Dương Đức C, sinh năm 1991; cư trú tại: Tổ 4, ấp TC, xã TH, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Do có đơn kháng cáo của anh Dương Đức C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 14-9-2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh Dương Đức C chung sống

và đăng ký kết hôn ngày 26-7-2013 tại Ủy ban nhân dân phường BH, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, hôn nhân tự nguyện.

Sau khi chị và anh C cưới nhau, chị vẫn sống tại nhà số 19/9, đường số 20, phường BH, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cùng với gia đình, còn anh C sống tại ấp TC, xã TH, huyện TC, tỉnh Tây Ninh cùng bố mẹ, thỉnh thoảng chị và anh C đến thăm nhau. Từ khoảng tháng 10-2015 đến tháng 4-2016 chị về sống chung với bố, mẹ chồng và sau đó chị quay về sống tại Thành phố Hồ Chí Minh; đến tháng 3-2017 chị và anh C tiếp tục về sống tại nhà bố, mẹ chồng; từ tháng 7-2017, chị và anh C chuyển về sống tại ấp Tân C, xã TH, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

Cưới nhau được khoảng thời gian ngắn thì vợ, chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, anh C quá khó khăn đối với chị như đi làm về trễ cũng bị anh C đánh đập, đến năm 2017 thì mâu thuẫn vợ, chồng trầm trọng hơn, anh C nhiều lần đánh đập, cắt tóc và đuổi chị ra khỏi nhà trong đêm, chị phải ngủ nhờ qua đêm tại Công an xã TH và từ cuối tháng 7-2017 chị về Thành phố Hồ Chí Minh, vợ, chồng sống ly thân cho đến nay. Tình cảm, hạnh phúc vợ, chồng không còn, nên chị L yêu cầu xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung, cháu lớn tên H, sinh ngày 20-11-2013, cháu nhỏ tên Y, sinh ngày 17-10-2015, hiện con chung chị đang nuôi dưỡng. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TC đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập mời anh C đến làm việc, nhưng anh C không đến, nên Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 13/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị L. Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Dương Đức C.

2. Về con chung: Giao cháu H, sinh ngày 20-11-2013 và cháu Y, sinh ngày 17-10-2015 cho chị Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Anh Dương Đức C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị L không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/4/2018, anh Dương Đức C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử : Không chấp nhận kháng cáo của anh C.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2018/HNGĐ- ST ngày 13/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị L và anh C kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, đã thực hiện đăng ký kết hôn ngày 26-7-2013 tại Ủy ban nhân dân phường BH, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong thời gian chung sống hai anh chị thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng giữa gia đình anh C với chị L, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn kéo dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài do chị L và anh C đã ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay; mục đích hôn nhân không đạt được.

[2] Xét kháng cáo của anh C thấy rằng: Qua các tài liệu chứng cứ thu thập tại cấp sơ thẩm, trong quá trình chung sống, giữa chị L và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, thường xuyên cãi vã với nhau và nhiều lần anh C đã đánh đập, cắt tóc và đuổi chị L ra khỏi nhà giữa đêm khuya, mà không cho mang theo điện thoại di động, không cho mang theo giấy tờ tùy thân, chị L phải đến công an xã TH trình báo sự việc và xin ngủ nhờ qua đêm tại trụ sở Công an xã TH. Đến tháng 9/2017 chị L về đón con thì anh C không cho đón và hai bên xảy ra xô xát; (BL 33,34,35). Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh C là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị L và anh C có 02 con chung tên H, sinh ngày 20/11/2013 và cháu Y, sinh ngày 17/10/2015. Hiện cháu H và cháu Y sống chung với chị L ở Thành Phố Hồ Chí Minh. Do đó, để đảm bảo sự ổn định cũng như sự phát triển của các con chưa thành niên, cấp sơ thẩm giao cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và cháu Y. Đồng thời, ghi nhận chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 56, 81,82,83 Luật HNGĐ năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị L không yêu cầu giải quyết.

[5] Xét yêu cầu hủy bản án của anh C thấy rằng: Tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh C được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Tại phiên Tòa phúc thẩm, anh C thừa nhận quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm có điện mời anh đến Tòa để tham gia tố tụng nhưng do bận công việc anh không đến. Ngày 12/4/2018 cán bộ tư pháp xã TH có điện báo với anh 07 giờ 30 phút ngày 13/4/2018 Tòa sơ thẩm xử vụ kiện xin ly hôn, và nuôi con giữa chị L đối với anh nhưng anh đến trễ không dự được phiên Tòa. Do đó, không có căn cứ cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm trình tự thủ tục trong quá trình giải quyết vụ án nên không có căn cứ hủy bản án như yêu cầu kháng cáo của anh C.

[6] Xét thấy, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh không chấp nhận kháng cáo của anh Dương Đức C là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Dương Đức C, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 13/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào Khoản 1, Điều 29 Nghị quyết số: 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Dương Đức C phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Dương Đức C.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 13/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị L. Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Dương Đức C.

2. Về con chung: Giao cháu H, sinh ngày 20-11-2013 và cháu Y, sinh ngày 17-10-2015 cho chị Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Anh Dương Đức C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị L không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

4.1 Án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu

số 0024658, ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

4.2 Án phí phúc thẩm: Anh Dương Đức C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân phúc thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh C đã nộp theo biên lai thu số 0025440 ngày 24/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TC. Ghi nhận đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAT;
- VKS tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Tân Châu
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Vân